

CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN (PINACO)
321 TRẦN HƯNG ĐẠO, Q1, TP HCM
ĐT : 39.203.059 ; FAX: 39.203.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý 02/2009

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Pin Ắc Quy Miền Nam là Công ty Cổ Phần được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 4103002690, do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2004 và đăng lý thay đổi bổ sung lần thứ 5 ngày 12 tháng 05 năm 2009. Tên giao dịch bằng tiếng Anh của Công ty là “Dry Cell and Storage Battery Joint-stock Company”. Tên viết tắt của Công ty là “PINACO”

Vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 VNĐ, được chia thành 16.500.000 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VNĐ.

Công ty là thành viên của Tổng Công ty Hoá Chất Việt Nam do Tổng Công ty sở hữu 8.396.410 cổ phần tương đương 83.964.100.000 VNĐ, chiếm 50,89% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 321 đường Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1 TP.Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc gồm:

*** Khối sản xuất :**

- Xí nghiệp Pin Con Ó đóng tại 752 đường Hậu Giang, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp Ắc Quy Sài Gòn đóng tại khu Công Nghiệp Tân Tạo.
- Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai đóng tại Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1.

*** Khối kinh doanh :**

- Chi nhánh Hà Nội đóng tại số 321 Phố Vinh Hưng Phường Vinh Hưng , Quận Hoàng Mai TP Hà Nội .
- Chi nhánh Đà Nẵng đóng tại số 212 đường Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

2- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp.

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất pin, ắc quy.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm pin, ắc quy và vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh pin, ắc quy.
- Cho thuê văn phòng. Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá và sàn giao dịch bất động sản) .

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán

- Bắt đầu từ ngày 01/04/2009 và kết thúc vào ngày 30/06/2009.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Việt Nam Đồng

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Việt Nam.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) chuẩn mực Kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo các văn bản sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1), hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2), hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 105/2003/TT-BTC ngày 04/11/2003.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3), hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4), hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5), hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư về các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn Hệ thống Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập báo cáo tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc xác định các khoản tiền gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” đã được Bộ Tài Chính ban hành theo quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 để chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho.

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho : theo giá thực tế nhập kho bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu và các chi phí vận chuyển, bốc xếp có liên quan.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ : theo giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ : theo nguyên giá bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh có liên quan.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ : tính theo phương pháp đường thẳng dựa vào tỷ lệ khấu hao quy định tại quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

b. Tài sản cố định vô hình

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ : theo nguyên giá là giá thụ đắc bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để sở hữu tài sản.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ : tính theo phương pháp đường thẳng

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại : Lợi thế thương mại phát sinh qua việc đánh giá doanh nghiệp trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ bình quân vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 5 năm.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - . Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá cổ phần đóng góp từ các cổ đông,
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Đến ngày lập báo cáo tài chính năm, các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, và các công nợ ngoại tệ được qui sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố. Chênh lệch do việc đánh giá các số dư có gốc ngoại tệ vào cuối kỳ báo cáo được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh niên độ.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Số còn lại của lợi nhuận phát sinh trong kỳ sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế, tạm trích các quỹ đầu tư phát triển , quỹ dự phòng tài chính và khen thưởng phúc lợi, còn lại khoản mục lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính :
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ ghi nhận khi hóa đơn phát hành được người mua nhận hàng và chấp nhận thanh toán, không phụ thuộc vào việc khách hàng đã thanh toán hay chưa.
 - Doanh thu tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng , cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận theo thông báo của ngân hàng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.:

- Chi phí về lãi tiền vay ngân hàng ghi nhận theo thông báo của ngân hàng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận trên lợi nhuận thực hiện trong kỳ nhân với thuế suất 25% . Năm 2009 là năm thứ năm công ty được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa mức giảm thuế TNDN 50% miễn giảm . Số giảm này được kết chuyển vào quỹ đầu tư phát triển .
- Năm 2010 và 2011 Công ty tiếp tục được giảm 50% thuế TNDN do niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ đầu năm 2006 .

14. Công bố việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Công ty lập báo cáo tài chính giữa các niên độ của năm 2009 và báo cáo tài chính năm 2009 là áp dụng chính sách kế toán như nhau.

VI- Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ.

- 1- Tính thời vụ hoặc chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán:
Không mang tính thời vụ.
- 2- Tính chất của các khoản mục ảnh hưởng đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu thu nhập thuần hoặc lượng tiền được coi là yếu tố không bình thường do tính chất quy mô hoặc tác động của chúng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối quý	Số đầu năm
- Đầu tư ngắn hạn	131.341.666.667	69.341.666.667
✓ Để tập trung nguồn vốn đầu tư xây dựng Nhà máy Ắc quy mới tại Nhơn Trạch – Đồng Nai . Năm 2008 với số tiền 90 tỷ thu về từ việc phát hành 4,5 triệu cổ phiếu sau khi hoàn trả tiền thuê đất , số tiền còn lại Công ty gửi tiết kiệm Ngân hàng để tranh thủ thu lãi , trong đó :		
+ 32 tỷ gửi kỳ hạn 1 năm với lãi suất 18%/năm .		
+ 37,3 tỷ gửi kỳ hạn 3 tháng với lãi suất theo từng thời kỳ .		
✓ Tổng số tiền gửi tiết kiệm tại thời điểm 01/01/2009 : 69,3 tỷ đồng , trong 6 tháng đầu năm 2009 với nguồn vốn tích lũy từ hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại Công ty tiếp tục gửi 62 tỷ đồng với kỳ hạn từ 1-3 tháng . Mục đích để chuẩn bị vốn cho đầu tư Nhà máy mới . Do đó tính đến thời điểm 30/06/2009 số dư tiền gửi tiết kiệm là 131,3 tỷ đồng		
✓ Nhà máy mới dự kiến khởi công xây dựng vào 10/08/2009 và dự kiến hoàn thành vào tháng 04/2010 , nguồn vốn này sẽ được giải ngân theo tiến độ thực hiện .		

Các khoản phải thu ngắn hạn	Số cuối quý	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng	74.045.832.809	56.567.343.778
- Trả trước cho người bán	16.577.544.971	11.112.925.512
- Phải thu khách hàng tăng 24% do trong giai đoạn quý 02/2009 công ty có chính sách giãn công nợ cho khách hàng để khuyến khích tiêu thụ .		
- Trả trước người bán do khoản trả trước là do các lô vật tư – thiết bị nhập khẩu đã thanh toán LC hàng đang trên đường cập cảng .		

Hàng tồn kho	Số cuối quý	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	96.666.145.576	118.506.796.692
- Công cụ dụng cụ	4.108.781	4.283.624
- Chi phí SX, KD dở dang	31.438.340.952	47.056.130.301
- Hàng hóa		-
- Thành phẩm	31.762.006.023	85.047.582.969
Cộng	159.870.601.332	250.614.793.586
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu	29.210.398.763	29.210.398.763
- Chi phí SX, KD dở dang	14.411.470.261	14.411.470.261
- Thành phẩm	-	10.168.938.843
Cộng	43.621.869.024	53.790.807.867
Giá trị thuần có thể thực hiện được	116.248.732.308	196.823.985.719

- ✓ Sản lượng hàng bán trong tháng 6 tăng 25% so với tháng trước nên dự trữ tồn kho thành phẩm và nguyên liệu đã giảm đáng kể , đã có nhiều mặt hàng không đủ để cung cấp ra thị trường .
- ✓ Do ảnh hưởng tình hình kinh tế biến động, xu hướng năm 2009 còn có nhiều bất cập chưa thể dự đoán chính xác. Để thận trọng trong chính sách tài chính, vận dụng thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đảm bảo giá trị nguyên vật liệu hạch toán chi phí kinh doanh năm

2009 với mức độ chắc chắn nhất. Trong quý 01/2009 công ty đã hoàn nhập phần dự phòng thành phẩm số tiền trị giá 10.168.938.843 đồng .

a) Các khoản thay đổi biến động tài sản nợ.

Nợ ngắn hạn	Số cuối quý	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng	70.180.158.295	85.793.866.751

- ✓ Trong quá trình sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao trong năm 2008 cũng như trong quý 02/2009, các nguồn vốn tích lũy từ khấu hao TSCĐ, lợi nhuận phát sinh chưa sử dụng dồn tích hình thành vốn chủ sở hữu tăng nên bù đắp, giảm vay vốn lưu động ở mức đáng kể.

Nợ ngắn hạn	Số cuối quý	Số đầu năm
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.576.407.376	3.576.407.376

- ✓ Vận dụng thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 và chính sách bảo hành, Công ty trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm nhằm đảm bảo toàn bộ hàng hoá bán ra năm 2008 nếu có bảo hành sẽ không ảnh hưởng đến chi phí năm 2009 . Khoản trích lập dự phòng này chưa hoàn nhập do chính sách bảo hành của công ty là từ 6-9 tháng theo dòng sản phẩm .

Nợ dài hạn	Số cuối quý	Số đầu năm
- Vay dài hạn ngân hàng	467.195.688	

- ✓ Khoản vay dài hạn trên là một phần trong vay đầu tư nâng công suất 2 xí nghiệp Ấcquy .

3- Những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu, giá trị lũy kế tính đến ngày lập báo cáo tài chính

Vốn chủ sở hữu	Số cuối quý	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	59.062.103.583	42.607.068.767
- Quỹ dự phòng tài chính	11.875.932.913	8.078.617.186
- Lợi nhuận chưa phân phối	79.321.019.937	40.992.715.996

- ✓ Quỹ đầu tư phát triển tăng do: bổ sung từ khoản thuế TNDN giảm 50%, và trích bổ sung 5% lợi nhuận sau thuế (theo Điều lệ Công ty)
- ✓ Quỹ dự phòng tài chính tăng do: trích bổ sung 5% lợi nhuận sau thuế (theo Điều lệ Công ty và quy định của Bộ Tài Chính)
- ✓ Tổng lợi nhuận lũy kế từ đầu năm là : 101.257.618.736 lợi nhuận sau thuế là : 88.600.416.394 đ .
- ✓ Sau khi trích bổ sung quỹ dự phòng tài chính, quỹ phát triển sản xuất và quỹ khen thưởng-phúc lợi thì lợi nhuận còn lại là: 49.454.411.942 đ. Số còn lại là lợi nhuận chưa phân phối từ năm 2007 và 2008 chuyển sang .

5 - Cổ phiếu quỹ:

Ngày 25/02/2009 Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết về sử dụng nguồn vốn từ lợi nhuận để lại năm 2008 mua 300.000 cổ phiếu trên thị trường làm cổ phiếu quỹ . Mục đích là để bình ổn giá chứng khoán PAC tạo niềm tin nơi cổ đông với công ty . Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh đã có công văn chấp thuận cho công ty được phép thực hiện phương án mua cổ phiếu quỹ như trên trong khoảng thời gian từ 10/03/2009 đến 10/06/2009. Cho đến thời điểm 10/06/2009 Công ty đã mua 175.430 cổ phiếu. Hiện tại, tổng số cổ phiếu quỹ của Công ty là 478.210 cổ phiếu.

6- Cổ tức :

Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị về việc chi trả cổ tức đợt 1 năm 2009 đã thực hiện xong :

- Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2009 : 8%/mệnh giá (800 đồng/cổ phiếu).
- Loại quyền thực hiện : thanh toán cổ tức bằng tiền.
- Ngày đăng ký cuối cùng : 03/06/2009 .
- Ngày thực hiện quyền : 22/06/2009 .

7- Những sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán chưa được phản ánh vào báo cáo tài chính.

8 - Các thông tin khác:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu	Quý 2/2009	Quý 1/2009	(%) quý 2/2009 so quý 1/2009
- Doanh thu	346.791.802.244	283.531.842.081	122.31
- Lợi nhuận trước thuế	64.547.295.975	36.710.322.761	175.82
- Lợi nhuận sau thuế	56.478.883.978	32.121.532.416	175.82

TP HCM Ngày 18 tháng 07 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Phước Thành

Lê Hữu Nghị